



UNIT 1 (G6): MY NEW SCHOOL

VOCABULARY CHECK



PART 1 I. TYPES OF SCHOOL (CÁC LOẠI TRƯỜNG)

1. PICTURE	2. NGHĨA TIẾNG VIỆT	3. ENGLISH (Write here)
	trường cấp 2 (THCS)	
	trường nội trú	
	trường quốc tế	

PART 2 II. SCHOOL THINGS (ĐỒ DÙNG HỌC TẬP)

1. PICTURE	2. NGHĨA TIẾNG VIỆT	3. ENGLISH (Write here)
	hộp bút	
	bút mực	
	quyển vở	
	SGK	
	cái gọt bút chì	
	cái com-pa	
	cái máy tính	
	cục tẩy	

PART 3 III. SUBJECTS (CÁC MÔN HỌC)

1. PICTURE	2. NGHĨA TIẾNG VIỆT	3. ENGLISH (Write here)
	môn toán	
	Tiếng Anh	
	Tiếng Việt	
	lịch sử	
	khoa học	
	âm nhạc và mỹ thuật	
	Môn học yêu thích của bạn là gì?	

PART 4 IV. SCHOOL ACTIVITIES (CÁC HOẠT ĐỘNG Ở TRƯỜNG)

1. PICTURE	2. NGHĨA TIẾNG VIỆT	3. ENGLISH (Write here)
	có bạn mới	
	ăn trưa ở trường	
	có các tiết học	
	làm bài tập	
	làm bài tập về nhà	
	vẽ tranh trong phòng mỹ thuật	
	chơi đá bóng ở sân chơi	
	chơi nhạc	
	học từ mới	
	học trong thư viện / trong phòng tin học	
	trồng hoa trong vườn trường	
	bơi ở trong hồ bơi	
	giúp đỡ bạn cùng lớp	
	mặc đồng phục	



★ Learn Vocabulary - Build Knowledge - Love Your School!

LIVEWORKSHEETS